

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/TCDS- ST

Ngày : 26 - 10 - 2018.

“V/v tranh chấp về giao dịch
dân sự, hợp đồng dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trung Tuấn

Ông Lê Thuận Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 04/4/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình K - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình;

Người được ủy quyền: Ông Trần Giang H – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Cao Thị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình

Đơn vị công tác: Trường mầm non xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018; bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án thì đại diện của nguyên đơn ông Trần Giang H trình bày: Bà Cao Thị D vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Bình(Sau

đây gọi là Ngân hàng chính sách xã hội huyện M) theo 02 khế ước với tổng số tiền vay là 38.000.000đ(ba mươi tám triệu đồng), cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 10/7/2009 bà Cao Thị D vay từ nguồn vốn hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo khế ước số 3000130271 với số tiền là 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng), lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; trong đó: lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 10/7/2009 đến ngày 10/7/2011 là 0,57%; Thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Lần thứ hai: Ngày 21/9/2009 bà Cao Thị D vay từ nguồn vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo khế ước số 3000130270 với số tiền là 8.000.000đ(Tám triệu đồng), lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; trong đó: lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 04/9/2009 đến ngày 04/9/2011 là 0,57%; Thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Cao Thị D không trả tiền theo cam kết của hợp đồng. Ngân hàng chính sách xã hội huyện M đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Cao Thị D vẫn trốn tránh, không chịu trả. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, Ngân hàng chính sách xã hội huyện M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình giải quyết buộc bà Cao Thị D phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền 69.396.000đ(Sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 38.000.000đ(Ba mươi tám triệu đồng), tiền nợ lãi là 31.396.000đ(Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên tòa ông Trần Giang H là người đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà Cao Thị D trả nợ cả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện đến ngày nộp đơn khởi kiện 69.396.000đ(Sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 38.000.000đ(Ba mươi tám triệu đồng), tiền nợ lãi là 31.396.000đ(Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 18/5/2018 và biên bản hòa giải tại Tòa án, tại phiên tòa bà Cao Thị D trình bày: Bà không vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình, bà không ký nhận tiền và không nhận tiền vay, bà không ký bất cứ giấy tờ nào có liên quan trong hồ sơ vay vốn mà Ngân hàng chính sách xã hội huyện M khởi kiện, vì vậy bà không đồng ý theo đơn khởi kiện của ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tích cực hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau, đồng thời yêu cầu Tòa án làm thủ tục giám định chữ ký, chữ viết của bà Cao Thị D trong phiếu chi tiền của hồ sơ vay vốn nói trên, để có cơ sở giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Cao Thị D (Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình) có hai lần vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 10/7/2009 bà Cao Thị D vay từ nguồn vốn hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo khế ước số 3000130271 với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; trong đó: lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 10/7/2009 đến ngày 10/7/2011 là 0,57%; Thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Lần thứ hai: Ngày 21/9/2009 bà Cao Thị D vay từ nguồn vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo khế ước số 3000130270 với số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; trong đó: lãi suất thực trả sau khi được hỗ trợ từ ngày 04/9/2009 đến ngày 04/9/2011 là 0,57%; Thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Trong quá trình vay bà Cao Thị D không trả tiền đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền của các bên. Tính đến ngày Ngân hàng chính sách xã hội huyện M khởi kiện thì bà Cao Thị D còn nợ 69.396.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng), tiền nợ lãi là 31.396.000đ (Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

[2] Tại Tòa án bà Cao Thị D cho rằng bà không vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình, bà không ký vào bất cứ một loại giấy tờ nào trong hồ sơ vay, bà không nhận tiền vay và không ký vào các phiếu chi tiền có trong hồ sơ vay vốn, nên bà đề nghị Tòa án giám định chữ viết và chữ ký đối với giấy tờ có liên quan trong hồ sơ vay vốn để giải quyết, nếu đúng là chữ viết và chữ ký của bà thì bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng; tại Tòa án ông Trần Giang H là người đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M cũng yêu cầu Tòa án làm các thủ tục giám định chữ viết, chữ ký trong các phiếu chi tiền có chữ ký và chữ viết của bà Cao Thị D để có căn cứ giải quyết vụ án.

Ngày 02/7/2018 Tòa án nhân dân huyện L đã ra công văn số 07/CV-TAND về việc yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Bình giám định chữ viết, chữ ký của bà Cao Thị D trong 02 phiếu chi tiền số bút toán T: 0072 ngày 10/7/2009 mà bà Cao Thị D ký nhận số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và phiếu chi bút toán số VL0031 ngày 21/9/2009 mà bà Cao Thị D ký nhận số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), kèm theo mẫu chữ viết, chữ ký của bà Cao Thị D.

Tại bản kết luận số 696/PC54(GĐ) ngày 27/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Bình đã kết luận: Chữ ký dạng chữ viết và dòng chữ ghi rõ họ tên “Cao Thị D” dưới mục “ NGƯỜI NHẬN TIỀN (Ghi rõ họ tên)” trên các tài

liệu cần giám định ký hiệu A1,A2 so với chữ viết của Cao Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2 là do cùng một người viết ra.

Như vậy, đã có căn cứ để kết luận bà Cao Thị D đã ký nhận tiền vay tại các phiếu chi số bút toán T: 0072 ngày 10/7/2009 với số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) và phiếu chi bút toán số VL0031 ngày 21/9/2009 với số tiền 8.000.000đ(Tám triệu đồng) trong hồ sơ vay vốn của bà Cao Thị D tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình. Việc bà Cao Thị D cho rằng bà không vay, không ký nhận tiền và không nhận tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình là không có cơ sở. Vì vậy cần buộc bà Cao Thị D phải trả số tiền nợ vay cả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M là có căn cứ.

[3] Tại Tòa án ông Trần Giang H là người đại diện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà Cao Thị D trả nợ cả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện(đến ngày nộp đơn khởi kiện là 69.396.000đ(Sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 38.000.000đ(Ba mươi tám triệu đồng), tiền nợ lãi là 31.396.000đ(Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng), đồng thời ông Trần Giang H yêu cầu tính lãi sau khi bản án có hiệu lực mà bà Cao Thị D không thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền chưa trả. Xét thấy yêu cầu của ông Trần Giang H là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Cao Thị D phải chịu án phí theo luật định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng khoản 3 Điều 25; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi bổ sung năm 2011; các Điều 280; khoản 1 Điều 281; Điều 290; khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Cao Thị D có địa chỉ tại: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Bình số tiền 69.396.000đ(Sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 38.000.000đ(Ba mươi tám triệu đồng), tiền nợ lãi là 31.396.000đ(Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (26/10/2018) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc còn phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Bình theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng vay tiền.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử

buộc bà Cao Thị D phải chịu 3.496.800(Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Bình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/10/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND h L;
- Chi cục THADS h L;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Trường Mầm non xã K;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương